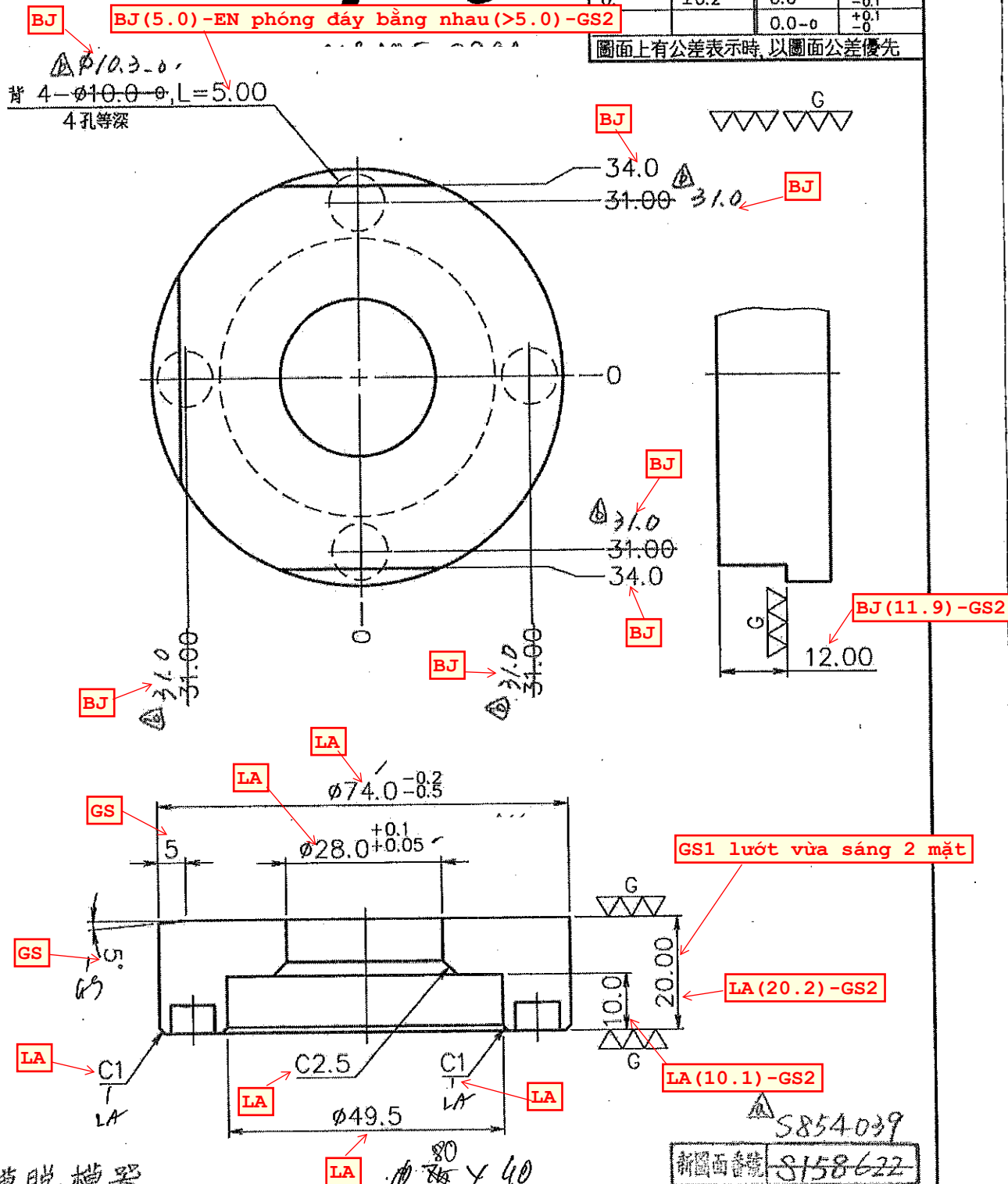


MV

訂正Rev	日付	記述	金型加工公差表示
△	2011.12.26	部命向 開模材料變更 新模 彭維君	0.0000 ±0.002 0.000 ⁺⁰ _{-0.005}
△	2014.10.9	公差變更 彭維君	0.000 ±0.005 0.000 ⁻⁰ _{-0.005}
			0.00 ±0.01 0.00 ⁺⁰ _{-0.01}
			0.0 ±0.1 0.00 ⁻⁰ _{-0.01}
			0 ±0.2 0.0 ⁺⁰ _{-0.1}
			0.0-0 0.0 ⁻⁰ _{-0.1}



下模脱模器

部 品 名	材 質	數 量	設 備 名 稱
下脱料模	SKD11 ASP-3	1	第二抽製模具
熱 處 理	表 面 處 理	檢 圖	設 計
燒入 HRC 58-62 燒灰 62-63		曾中熙	曾中熙
尺 度	第三圖面	製 圖	日 期
1/1 (/)	角法 番號	曾中熙	2000/03/08
TM03-012T-00-1-010-AA			共通部品番號 1-010
M50549.DWG			訂正 REV b

SNO: **S854039**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: ASP23 Ø80*35	LA:90 BJ:40 HT:40 GS1:20 EN:90 GS2:90 AF:20 KT